

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

¹ E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đáp ứng điểm tối thiểu trở lên, thì được đánh giá là đạt

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

Điểm đánh giá về kỹ thuật: Tổng số điểm tối đa 100 điểm

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Ghi Chú
I	Giải pháp kỹ thuật thi công	20	16	
1	Yêu cầu về vật tư, vật liệu xây dựng	10	8	
1.1	Đối với các loại vật tư, vật liệu, thiết bị chính: Nhà thầu phải nêu đầy đủ nguồn gốc, ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có), xuất xứ và chứng nhận chất lượng các loại vật tư, vật liệu (dây nhôm lõi thép AC-120/19, AC-150/24, dây nhôm lõi thép AC-95/16; Cáp đồng ngầm loại 20(35)/40,5-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W3x300mm ² , 12,7(20)/24-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W3x300mm ² , cầu giao phụ tải loại CDF 38,5kV/630A chêm đứng, CDF 24kV/630A chêm đứng, chống sét van ZnO-42kV, cột điện loại bê tông cốt thép ..., dây cáp điện các loại;) sử dụng cho công trình; có hợp đồng nguyên tắc, kèm theo bản cam kết cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị theo tiến độ thi công của đơn vị cung cấp, đính kèm theo cả hồ sơ pháp lý của đơn vị cung cấp bao gồm đăng ký kinh doanh, giấy phép khai thác hợp pháp và các loại giấy tờ khác (nếu có).	8	6,4	
-	Có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	8		
-	Thiếu hồ sơ pháp lý của đơn vị cung cấp	6,4		

-	Thiếu bất kỳ nội dung nào (trừ Thiếu hồ sơ pháp lý của đơn vị cung cấp).	0		
1.2	Đối với các loại vật tư, vật liệu khác (.....): Nhà thầu phải có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp, đính kèm theo cả hồ sơ pháp lý của đơn vị cung cấp và các loại giấy tờ khác (nếu có).	2		
-	Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp + Hồ sơ pháp lý đầy đủ, tài liệu chứng minh khả năng cung cấp của đơn vị.	2		
-	Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp, tài liệu chứng minh khả năng cung cấp của đơn vị nhưng thiếu Hồ sơ pháp lý,.	1,6		
-	Không có tài liệu chứng minh khả năng cung cấp của đơn vị	0		
2	Giải pháp kỹ thuật thi công chủ yếu chủ yếu cho các công tác chính:	10	8	
2.1	Tổ chức mặt bằng công trường: Bố trí mặt bằng công trường thi công phù hợp với điều kiện, biện pháp và tiến độ thi công. Trên mặt bằng thi công bố trí đầy đủ vị trí lán trại; vị trí tập kết, máy móc, thiết bị; kho bãi chứa vật tư, vật liệu; kho bãi chứa chất thải rắn, chất thải độc hại.	4	3,2	
-	Thuyết minh và bản vẽ bố trí lán trại, kho bãi, máy móc, điểm tập kết vật liệu/chất thải hợp lý, khoa học.	4		
-	Có bố trí nhưng chưa tối ưu hoặc thiếu chi tiết bản vẽ.	3,2		
-	Bố trí sơ sài, không hợp lý hoặc không có bản vẽ.	0		
2.2	Giải pháp kỹ thuật thi công: Có giải pháp kỹ thuật thi công hợp lý, phù hợp với điều kiện, biện pháp và tiến độ thi công.	6	4,8	

-	Giải pháp thi công hợp lý, phù hợp điều kiện thực tế và tiến độ, đưa ra được các giải pháp, biện pháp đầy nhanh tiến độ gói thầu	6		
-	Giải pháp thi công hợp lý, phù hợp điều kiện thực tế và tiến độ	4,8		
-	Giải pháp chung chung, sao chép không phù hợp thực tế.	0		
II	Biện pháp tổ chức thi công: Có biện pháp thi công đối với các hạng mục thi công chính và các hạng mục khác phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	25	20	
1	Có giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công chi tiết (bao gồm thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công cụ thể theo thiết kế của gói thầu này) các hạng mục chính theo đúng tuân tự, phù hợp với bản vẽ thiết kế thi công, tiến độ và theo các yêu cầu của HSMT như: dịch chuyển đường dây 22KV, 35KV, 0,4KV (bao gồm cả các tuyến cáp quang viễn thông ngành điện đi chung cột)	15	12	
-	a. Thi công dịch chuyển đường dây: thi công dịch chuyển đường dây, đảm bảo an toàn và kỹ thuật có thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công cụ thể theo thiết kế của gói thầu	15		
-	Không có thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công cụ thể theo thiết kế của gói thầu	0		
2	Có giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công chi tiết (bao gồm thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công cụ thể theo thiết kế của gói thầu này) đối với hạng mục cắt ,đầu nối điện và giải pháp chi tiết, bản vẽ biện pháp thi công an toàn trong suốt quá trình thi công	10	8	

-	- Có giải pháp kỹ thuật chi tiết cho việc đấu nối (quy trình cắt điện, đấu nối, đóng điện). - Có bản vẽ và thuyết minh biện pháp an toàn điện chi tiết trong suốt quá trình thi công.	10		
-	- Có giải pháp kỹ thuật nhưng chưa chi tiết, cụ thể cho việc đấu nối (quy trình cắt điện, đấu nối, đóng điện). - Có bản vẽ và thuyết minh biện pháp an toàn điện nhưng chưa chi tiết, cụ thể trong suốt quá trình thi công.	8		
-	- Không có giải pháp kỹ thuật sơ sài cho việc đấu nối (quy trình cắt điện, đấu nối, đóng điện). - Không có bản vẽ và thuyết minh biện pháp an toàn điện sơ sài trong suốt quá trình thi công.	0		
III	Tiến độ thi công	15	12	
1	Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 360 ngày có tính đến điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.	5	4	
-	Đề xuất thời gian thi công rút ngắn ≥ 30 ngày	5		
-	Đề xuất thời gian thi công rút ngắn ≤ 30 ngày	4		
-	Đề xuất thời gian thi công lớn hơn 360 ngày	0		
2	Tính phù hợp: Nhà thầu phải huy động thiết bị và bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ thi công	5	4	
-	Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị khớp với biểu đồ tiến độ thi công.			
-	Phân bố nhân lực cơ bản phù hợp với khối lượng công việc từng giai đoạn.			
-	Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị không phù hợp với tiến độ thi công			

3	Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT: Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	5	4	
-	Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT, có biểu đồ hợp lý, chỉ rõ đường găng, trình tự logic.	5		
-	Có biểu tiến độ thi công cơ bản hợp lý chấp nhận được ở bước đấu thầu, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	4		
-	Biểu tiến độ thi công không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	0		
IV	Biện pháp bảo đảm chất lượng	15	12	
1	Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công các hạng mục: Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	5	4	
-	Hệ thống quản lý chất lượng, quy trình nghiệm thu, xử lý sự cố chi tiết, khoa học, hợp lý			
-	Có hệ thống quản lý chất lượng, quy trình nghiệm thu, xử lý sự cố			
-	Không có hệ thống quản lý chất lượng, quy trình nghiệm thu, xử lý sự cố			
2	Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công: Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	5	4	
-	Có đầy đủ quy trình kiểm tra, nghiệm thu vật liệu trước khi đưa vào công trường; chế độ bảo quản, quy trình chi tiết, khoa học, hợp lý			

-	Có quy trình kiểm tra, nghiệm thu vật liệu trước khi đưa vào công trường; chế độ bảo quản			
-	Không có quy trình kiểm tra, nghiệm thu vật liệu trước khi đưa vào công trường; chế độ bảo quản			
	Đề xuất phòng thí nghiệm hiện trường: Có đề xuất phòng thí nghiệm hiện trường với các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm đủ khả năng để thực hiện các phép thử (có Quyết định công nhận khả năng thực hiện các phép thử của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực) hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị để bố trí phòng thí nghiệm hiện trường với các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm đủ khả năng để thực hiện các phép thử (có Quyết định công nhận khả năng thực hiện các phép thử của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực).	5	4	
-	Có đề xuất phòng LAS hợp chuẩn (có Quyết định công nhận còn hiệu lực)			
-	Có Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị LAS đủ năng lực và tài liệu kèm theo			
-	Không đề xuất phòng Las, hoặc có đề xuất nhưng phòng Las không đạt chuẩn			
V	An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường	15	12	
1	An toàn lao động: Có biện pháp và bản vẽ chi tiết an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	5	4	
-	Có biện pháp và bản vẽ chi tiết an toàn lao động hợp lý, khả thi phù	5		

	hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công			
-	Có biện pháp an toàn lao động cơ bản phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	4		
-	Đề xuất thiếu một trong các nội dung trên	0		
2	Phòng cháy, chữa cháy: Có đề xuất 01 cán bộ có bằng cấp hoặc chứng chỉ liên quan đến PCCC theo quy định pháp luật về PCCC. Có phương án, biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp và bản vẽ chi tiết với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xử lý khi chập điện/cháy nổ.	5	4	
-	Có đề xuất 01 cán bộ có bằng cấp hoặc chứng chỉ liên quan đến PCCC theo quy định pháp luật về PCCC. Có phương án, biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp và bản vẽ chi tiết với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xử lý khi chập điện/cháy nổ đầy đủ và chi tiết.	5		
-	Có đề xuất 01 cán bộ có bằng cấp hoặc chứng chỉ liên quan đến PCCC theo quy định pháp luật về PCCC. Có phương án, biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp và bản vẽ chi tiết với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xử lý khi chập điện/cháy nổ đầy đủ nội dung.	4		
-	Đề xuất thiếu một trong các nội dung trên	0		
3	Vệ sinh môi trường: Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	5	4	
-	- Có Biện pháp giảm bụi, tiếng ồn, dọn dẹp vệ sinh khoa học, hợp lý	5		

-	- Biện pháp giảm bụi, tiếng ồn, dọn dẹp vệ sinh khoa học, hợp lý.	4		
-	Không có biện pháp	0		
VI	Bảo hành và uy tín của nhà thầu:	10	8	
1	Bảo hành: Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng (ngoài thời gian bảo hành của nhà sản xuất).	5		
-	- Nhà thầu có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn 12 tháng (ngoài thời gian bảo hành của nhà sản xuất).	5		
-	- Nhà thầu có đề xuất thời gian bảo hành bằng 12 tháng (ngoài thời gian bảo hành của nhà sản xuất).	4		
-	- Nhà thầu có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng (ngoài thời gian bảo hành của nhà sản xuất).	0		
2	Uy tín của nhà thầu: - Không có hợp đồng chậm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng; - Không có hợp đồng bỏ dở do lỗi của nhà thầu; - Không có hợp đồng ảnh hưởng chất lượng công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có); - Không bị Chủ đầu tư ra Quyết định chấm dứt nghĩa vụ thực hiện hợp đồng do nguyên nhân chủ quan/khách quan từ phía nhà thầu; - Nhà thầu chưa vi phạm trong hoạt động thực hiện hợp đồng bị công bố trên website của tỉnh Phú Thọ hoặc các tỉnh, thành khác hoặc từ thông tin từ các cơ quan có thẩm quyền.	5	4	
-	Không vi phạm một trong các nội dung trên	5		
-	Có hợp đồng chậm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng;	4		
-	Nhà thầu vi phạm trong hoạt động thực hiện hợp đồng bị công bố trên	0		

	website của tỉnh Phú Thọ hoặc các tỉnh, thành khác hoặc từ thông tin từ các cơ quan có thẩm quyền.			
	Tổng số	100	80	